

KẾ HOẠCH
Tổng kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ năm 2025

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 06 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ -TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ văn bản số 8131/BTC- QLCS ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;



8

Căn cứ Quyết định số 1782/QĐ-TĐHYKPNT ngày 23 tháng 05 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ Nghị quyết số 145/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 23 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ -TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ văn bản số 8131/BTC- QLCS ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TĐHYKPNT ngày tháng năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy chế, quy trình, quy định hiện hành của Trường;

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch xây dựng Kế hoạch tổng kiểm kê tài sản năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích :

- Thông qua việc kiểm kê để xác nhận số lượng tài sản thực tế của Nhà trường đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và từ đó có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, xin thanh lý và có kế hoạch đầu tư mua sắm mới.

- Nhằm tiếp tục rà soát, đánh giá hiện trạng tài sản, bổ sung một số tiêu chí quản lý tài sản, chuẩn hóa các nguồn dữ liệu về tài sản nhằm đưa dữ liệu tài sản vào phần mềm quản lý tài sản phạm vi toàn trường. Đồng thời, đánh giá hiện trạng, việc bố trí, bảo quản, vận hành và bảo trì tài sản, nhất là đối với trang thiết bị đắt tiền trong các phòng thí nghiệm.

- Sử dụng phần mềm quản lý tài sản vào công tác kiểm kê để tối ưu hóa thời gian kiểm kê tài sản, giúp theo dõi quá trình kiểm kê một cách liên tục và chính xác. Tính năng kiểm kê được tối ưu, vận hành hiệu quả trên phiên bản mobile (IOS/Android), hỗ trợ người dùng quét, tra cứu thông tin, dữ liệu.

- Thực hiện Báo cáo cho Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo Quyết định số 213/QĐ -TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ

2. Yêu cầu :

- Đây là nhiệm vụ thường xuyên hàng năm về công tác quản lý tài sản các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng tinh thần nội dung kế hoạch này. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban Giám hiệu nếu để tài sản ngoài sổ sách theo dõi quản lý.

- Kiểm soát toàn bộ tài sản trang thiết bị chuyên dùng trên một hệ thống phần mềm duy nhất, có tính bảo mật cao, tính năng phân quyền rõ ràng; việc trích xuất dữ liệu và báo cáo từ phần mềm rất nhanh chóng. Từ các báo cáo, Nhà trường sẽ đưa ra các quyết định xử lý tài sản phù hợp: sửa chữa, mua mới, điều chuyển, thanh lý, ... nhằm khai thác tối đa hiệu suất sử dụng trang thiết bị chuyên dùng.

II. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG KIỂM KÊ VÀ ĐỐI CHIẾU :

1. Thời gian kiểm kê và đối chiếu:

Thời gian kiểm kê dự kiến: từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Địa điểm kiểm kê:

Tại các Khoa, Trung tâm, Phòng, Bộ môn, tổ chức và các đơn vị thuộc trường.

3. Đối tượng kiểm kê:

- Tổng kiểm kê tất cả các tài sản bao gồm: Tài sản cố định và tài sản công cụ, dụng cụ lâu bền hiện có đến 00 giờ 00 ngày 01 tháng 01 năm 2026 (*kể cả những tài sản chưa được đưa vào sổ sách theo dõi quản lý từ trước đến nay*) ở tất cả các nguồn vốn.

+ Thực hiện kiểm kê tài sản cố định và tài sản công cụ, dụng cụ lâu bền hiện có từ 01 tháng 01 năm 2025 đến 00 giờ 00 ngày 01 tháng 01 năm 2026.

- Tài sản cố định (TSCĐ) của tất cả các nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước, có nguồn gốc ngân sách Nhà nước và các chương trình, dự án. Riêng đối với đất đai, nhà cửa và vật kiến trúc của các đơn vị Hội đồng kiểm kê Trường sẽ phối hợp với Ban kiểm kê các đơn vị thực hiện.

- Tài sản công cụ, dụng cụ lâu bền (*Tài sản không phải là tài sản cố định*) của tất cả các nguồn vốn ngân sách Nhà nước, có nguồn gốc ngân sách Nhà nước.

4. Thời gian tổng hợp báo cáo kiểm kê:

Trước ngày 31 tháng 3 năm 2026.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN :

1. Tổ chức.

- Ban kiểm kê của Trường:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	PGS.TS.DS. Nguyễn Đăng Thoại	Phó Hiệu trưởng Điều hành	Trưởng Ban
2	TS.BSCKII. Phạm Quốc Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó Ban
3	ThS. Vũ Thị Hải Yến	PT QLĐH Phòng TCKT, Kế toán trưởng	Thành viên
4	ThS.BS. Nguyễn Kim Vũ	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
5	BS.CKII. Bùi Đăng Phương Chi	Trưởng Phòng HCQT	Thành viên
6	ThS. Trần Nguyễn Đan Quỳnh	Phó Trưởng Phòng TBDA	Thành viên
7	CN. Nguyễn Thành Thuận	Kế toán viên	Thành viên
8	ThS. Văn Thúy Nguyên	Kế toán tài sản	Thành viên;
9	CN. Tân Văn Phong	Kế toán Công cụ dụng cụ	Thành viên – Thư ký
10	KS. Phạm Thành Đồng	Phòng HCQT	Thành viên
11	CS. Trần Trọng Thuấn	Phòng HCQT	Thành viên
12	CN. Nguyễn Hồng Sơn	Phòng HCQT	Thành viên
13	CN. Nguyễn Hoàng Thái	Phòng HCQT	Thành viên
14	CN. Nguyễn Quý Hào	Phòng HCQT	Thành viên
15	Hoàng Văn Tám	Phòng HCQT	Thành viên
16	KS. Nguyễn Đức Trọng	Phòng TBDA	Thành viên
17	CS. Nguyễn Thị Anh	Phòng TBDA	Thành viên
18	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán luân phiên hỗ trợ	Phòng TCKT	Thành viên

- Tổ kiểm kê tại đơn vị:

1. ThS. Ngô Thị Ngọc Thu, Trưởng phòng Thanh tra – Pháp chế, thành viên;
2. PGS.TS.BS. Trần Thị Khánh Tường, Trưởng Khoa Y, thành viên;
3. PGS.TS.BS. Lê Quang Tuyền, Phó Trưởng Điều hành Khoa Khoa học Cơ bản – Y học cơ sở (phụ trách quản lý, điều hành), Thành viên;

4. TS.DS. Võ Quang Trung, Phó Trưởng Khoa Dược (phụ trách quản lý, điều hành), thành viên;
5. TS.ĐD. Đặng Trần Ngọc Thanh, Trưởng Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học, thành viên;
6. TS.BS. CKII. Lê Trung Chánh, Trưởng Khoa Răng hàm mặt, thành viên;
7. TS.BS. Phùng Quang Vinh, Phó Trưởng Khoa Y tế Công cộng (phụ trách quản lý, điều hành), thành viên;
8. BS. CKII. Trương Thị Ngọc Lan; Phó Trưởng điều hành Khoa Y dược Cổ truyền, thành viên;
9. PGS.TS.BS. Châu Văn Trở, Trưởng Phòng khám Đa khoa, thành viên;
10. ThS. Nguyễn Văn Hồng Sơn, Phó Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ,
11. TS.BS. Đoàn Kim Thành, Phó Trưởng Trung tâm Đào tạo Nhân lực Y tế (phụ trách quản lý, điều hành), thành viên;
12. TS.BS. Nguyễn Ngọc Phương Thư, Trưởng Trung tâm Sáng tạo và Kỹ năng Mô phỏng Lâm sàng, thành viên;
13. TS.BS. Nguyễn Hữu Ngọc Tuấn, Phó Trưởng Trung tâm Xét nghiệm Y khoa (phụ trách quản lý, điều hành), thành viên;
14. Ths. Thái Thị Tú Trinh, Chuyên viên chính Văn phòng trường, thành viên;
15. TS.BS. Hồ Nguyễn Anh Tuấn, Phó Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Đại học (phụ trách quản lý, điều hành), thành viên;
16. TS.BS. Nguyễn Nam Hà, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học, thành viên;
17. PGS.TS.BS. Huỳnh Quang Huy, Trưởng Phòng Quản lý Thực hành Lâm sàng, Tổng Biên tập Tạp chí Y Dược học Phạm Ngọc Thạch, thành viên;
18. ThS.BS. Nguyễn Ngọc Hà, Trưởng Phòng Công tác Sinh viên, thành viên;
19. TS.BS. Phùng Đức Nhật, Phó Trưởng Phòng Bảo đảm Chất lượng (Phụ trách quản lý, điều hành), thành viên;
20. ThS.BS. Nguyễn Dũng Tuấn, Trưởng Phòng Khảo thí, thành viên;
21. PGS.TS.BS. Ngô Minh Vinh, Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu Khoa học (phụ trách quản lý, điều hành), thành viên;
22. TS.BS. Nguyễn Ngọc Vân Phương, Trưởng Phòng Hợp tác Quốc tế, thành viên;
23. TS.BS. Đặng Chí Vũ Luân, Trưởng Thư viện, thành viên;
24. TS.BS. Đào Thị Thanh Bình, Phụ trách quản lý, điều hành Trung tâm Giáo dục Y học, thành viên;
25. PGS.TS.BS. Huỳnh Nguyễn Khánh Trang, Phó Trưởng khoa Y Việt Đức (phụ trách quản lý, điều hành), thành viên;
26. BS. CKII. Lưu Xuân Thu, Trưởng Trung tâm Đào tạo-Trị liệu kỹ thuật cao,

thành viên;

Ghi chú:

Trường hoặc Phó trường đơn vị được ủy quyền: Trưởng ban kiểm kê đơn vị. Ngoài ra, tại mỗi đơn vị kiểm kê sẽ phân công từ 1 đến 2 thành viên để giao nhiệm vụ hỗ trợ công tác kiểm kê tài sản tại đơn vị.

2. Thực hiện kiểm kê và ghi chép các biểu mẫu

- Biểu mẫu: BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH - Mẫu BM03/QT-08/TCKT.

- Biểu mẫu: BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, DỤNG CỤ - Mẫu BM04/QT-07/TCKT.

- Biểu mẫu: PHIẾU ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHUYỂN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, CÔNG CỤ, DỤNG CỤ (nếu có) - BM03/QT-06/TCKT.

- Biểu mẫu: GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, CÔNG CỤ, DỤNG CỤ (nếu có) - BM01/QT-07/TCKT.

- Các Biểu mẫu và phần mềm báo cáo theo văn bản số 8131/BTC- QLCS ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

3. Trách nhiệm của các bên liên quan

a. Giao các đơn vị thuộc Trường:

- Phân công ít nhất một nhân viên chịu trách nhiệm phối hợp với Tổ kiểm kê khi tiến hành kiểm kê trực tiếp tại đơn vị.

- Thành lập Ban kiểm kê của đơn vị và tự tiến hành tổ chức kiểm kê thực tế tại đơn vị theo đúng thời gian như trên, nội dung của kế hoạch.

- Phản hồi lịch kiểm kê tại phụ lục, giấy xác nhận ngày và nhân sự tiếp đoàn kiểm kê tại các đơn vị, gửi về P.TCKT (mail: taichinh@pnt.edu.vn) để tổng hợp trước ngày 01 tháng 10 năm 2025.

- Thực hiện kiểm kê tại đơn vị, phối hợp với Ban Kiểm kê của Trường để ghi nhận tài sản tại nơi đang quản lý và sử dụng.

- Thực hiện việc kiểm kê tài sản và ghi chép biểu mẫu đúng theo quy định.

- Trường hợp có chênh lệch thừa, thiếu mục tài sản, công cụ thông qua việc kiểm kê thực tế và số liệu trên sổ sách hiện đang quản lý, đơn vị xác định rõ, thuyết minh lý do và phối hợp cùng với Tổ kiểm kê đề xuất biện pháp xử lý cụ thể.

b. Giao Phòng Tài chính Kế toán:

- Triển khai Kế hoạch tổng kiểm kê tài sản năm 2025.

- Phòng Tài chính Kế toán sẽ thực hiện hướng dẫn các đơn vị thuộc trường thực

- Quyết toán kinh phí thực hiện sau khi kết thúc tổng kiểm kê tài sản năm 2025.
- Đối chiếu, rà soát Danh mục tài sản, công cụ đã được kiểm kê thực tế so với Danh mục tài sản, công cụ trên sổ sách kế toán, báo cáo kết quả kiểm kê cho Tổ tổng kiểm kê và Ban Giám hiệu Trường.

c. Giao Phòng Hành chính Quản trị, Phòng Thiết bị Dự án:

- Tham gia công tác kiểm kê, hỗ trợ các đơn vị thuộc trường thực hiện công tác kiểm kê tại đơn vị.
- In nhãn dán tem nhận diện QR code sau khi có kết quả kiểm kê. Thực hiện, cập nhật dữ liệu Danh mục tài sản, công cụ vào phần mềm AMS.

IV. KINH PHÍ:

Thực hiện theo Khoản VI, Điều 1 của Quyết định số 213/QĐ -TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý (Phụ lục đính kèm).

V. LỊCH KIỂM KÊ DỰ KIẾN CÁC ĐƠN VỊ THUỘC TRƯỜNG :

Thực hiện theo lịch của Phòng Tài chính Kế toán ban hành.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức tổng kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Đề nghị các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện./. 

Nơi nhận:

- ĐU, HĐT (để báo cáo);
- Tập thể lãnh đạo (để biết);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, Ng(4): 

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG ĐIỀU HÀNH



PGS. TS. DS. Nguyễn Đăng Thoại



PHỤ LỤC I

(Ban hành theo kế hoạch 2394/KH-TĐHYKPNT ngày 25 tháng 1 năm 2025 tổng kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ năm 2025)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh	Số buổi	Thành tiền (300.000đ/buổi)	Ghi chú
I						
BAN CHỈ ĐẠO						
1	PGS.TS.DS. Nguyễn Đăng Thoại	Phó Hiệu trưởng Điều hành	Chủ tịch Hội đồng kiểm kê	5	1.500.000	
2	TS.BSCKII. Phạm Quốc Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó Ban	4	1.200.000	
3	ThS. Vũ Thị Hải Yến	PT QLĐH Phòng TCKT, Kế toán trưởng	Thành viên	4	1.200.000	
4	ThS.BS. Nguyễn Kim Vũ	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên	1	300.000	
II						
BAN KIỂM KÊ THỰC TẾ						
5	BS.CKII. Bùi Đăng Phương Chi	Trưởng Phòng HCQT	Thành viên	2	600.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
6	ThS. Trần Nguyễn Đan Quỳnh	Phó Trưởng Phòng TBDA	Thành viên	2	600.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê

78

7	CN. Nguyễn Thành Thuận	Kế toán viên	Thành viên	10	3.000.000	Kiểm kê thực tế
8	ThS. Văn Thúy Nguyễn	Kế toán tài sản	Thành viên; viên;	10	3.000.000	Kiểm kê thực tế
9	CN. Tân Văn Phong	Kế toán Công cụ dụng cụ	Thành viên – Thư ký	10	3.000.000	Kiểm kê thực tế
10	KS. Phạm Thành Đồng	Phòng HCQT	Thành viên	10	3.000.000	Kiểm kê thực tế
11	CS. Trần Trọng Thuận	Phòng HCQT	Thành viên	10	3.000.000	Kiểm kê thực tế
12	CN. Nguyễn Hồng Sơn	Phòng HCQT	Thành viên	10	3.000.000	Kiểm kê thực tế
13	CN. Nguyễn Hoàng Thái	Phòng HCQT	Thành viên	10	3.000.000	Kiểm kê thực tế
14	CN. Nguyễn Quý Hào	Phòng HCQT	Thành viên	10	3.000.000	Kiểm kê thực tế
15	Hoàng Văn Tám	Phòng HCQT	Thành viên	10	3.000.000	Kiểm kê thực tế
16	KS. Nguyễn Đức Trọng	Phòng TBDA	Thành viên	10	3.000.000	Kiểm kê thực tế
17	CS. Nguyễn Thị Anh	Phòng TBDA	Thành viên	10	3.000.000	Kiểm kê thực tế
18	6 Nhân viên phòng Tài chính Kế toán luân phiên hỗ trợ	Phòng TCKT	Thành viên	10	18.000.000	Kiểm kê thực tế
19	ThS. Ngô Thị Ngọc Thu	Trưởng phòng Thanh tra – Pháp chế	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê

20	PGS.TS.BS. Trần Thị Khánh Tường	Trưởng Khoa Y	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
21	PGS.TS.BS. Lê Quang Tuyên	Phó Trưởng Điều hành Khoa Khoa học Cơ bản – Y học cơ sở	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
22	TS.DS. Võ Quang Trung	Phó Trưởng Khoa Dược (phụ trách quản lý, điều hành), thành viên;	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
23	TS.ĐD. Đặng Trần Ngọc Thanh	Trưởng Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học, thành viên;	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
24	TS.BS. CKII. Lê Trung Chánh	Trưởng Khoa Răng hàm mặt	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
25	TS.BS. Phùng Quang Vinh	Phó Trưởng Khoa Y tế Công cộng (phụ trách quản lý, điều hành)	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
26	BS. CKII. Trương Thị Ngọc Lan	Phó Trưởng điều hành Khoa Y dược Cổ truyền	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
27	PGS.TS.BS. Châu Văn Trở	Trưởng Phòng khám Đa khoa	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và

						phối hợp kiểm kê
28	ThS. Nguyễn Văn Hồng Sơn	Phó Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
29	TS.BS. Đoàn Kim Thành	Phó Trưởng Trung tâm Đào tạo Nhân lực Y tế (phụ trách quản lý, điều hành)	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
30	TS.BS. Nguyễn Ngọc Phương Thư	Trưởng Trung tâm Sáng tạo và Kỹ năng Mô phỏng Lâm sàng	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
31	TS.BS. Nguyễn Hữu Ngọc Tuấn	Phó Trưởng Trung tâm Xét nghiệm Y khoa (phụ trách QLĐH) Hợp triển khai	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
32	BS. CKII. Lưu Xuân Thu	Trưởng Trung tâm Đào tạo-Trị liệu kỹ thuật cao	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
33	Ths. Thái Thị Tú Trinh	Chuyên viên chính Văn phòng trường	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
34	TS.BS. Hồ Nguyễn Anh Tuấn	Phó Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Đại học (phụ trách quản lý, điều hành)	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
35	TS.BS. Nguyễn Nam Hà	Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê

36	PGS.TS.BS. Huỳnh Quang Huy	Trưởng Phòng Quản lý Thực hành Lâm sàng, Tổng Biên tập Tạp chí Y Dược học Phạm Ngọc Thạch	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
37	ThS.BS. Nguyễn Ngọc Hà	Trưởng Phòng Công tác Sinh viên	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
38	TS.BS. Phùng Đức Nhật	Phó Trưởng Phòng Bảo đảm Chất lượng (Phụ trách quản lý, điều hành)	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
39	ThS.BS. Nguyễn Dũng Tuấn	Trưởng Phòng Khảo thí	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
40	. PGS.TS.BS. Ngô Minh Vinh	Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu Khoa học (phụ trách quản lý, điều hành)	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
41	TS.BS. Nguyễn Ngọc Vân Phương	Trưởng Phòng Hợp tác Quốc tế	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
42	TS.BS. Đặng Chí Vũ Luân	Trưởng Thư viện	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
43	TS.BS. Đào Thị Thanh Bình	Phụ trách quản lý, điều hành Trung tâm Giáo dục Y học	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và phối hợp kiểm kê
44	PGS.TS.BS. Huỳnh Nguyễn Khánh Trang	Phó Trưởng khoa Y Việt Đức (phụ trách điều hành)	Thành viên	1	300.000	Hợp triển khai và



76

							phối hợp kiểm kê
45	Nhân viên trực tiếp quản lý tài sản tại các Khoa, Phòng, Trung Tâm, Bộ môn (Mỗi đơn vị 1 thành viên)	Chuyên viên quản lý tài sản tại đơn vị	Thành viên	150	45.000.000	Kiểm kê tại đơn vị và phối hợp cùng đoàn kiểm kê thực tế	
III	TỔNG HỢP SAU KIỂM KÊ						
46	Rà soát tổng hợp sau kiểm kê thực tế			10	3.000.000		
47	Phát sinh khác (10%)				10.000.000		
	Tổng cộng				106.000.000		

Số tiền bằng chữ : Một trăm lẻ sáu triệu đồng.





PHỤ LỤC II

ĐƯA TRÙ KINH PHÍ TỔ CHỨC TỔNG KIỂM KÊ TÀI SẢN NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 2399/KH-TĐHYKPNT ngày 25/08/2025
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

I. VĂN PHÒNG PHẨM:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Nhãn có lớp keo tự dán Tommy mã 107	Tờ	200		-
2	Bút bi	Cây	20		-
3	Bút chì 2B	Cây	12		-
4	Bấm lỗ	Cái	1		-
5	Kéo lớn	Cây	1		-
6	Kim bấm số 10	Hộp lớn	2		-
7	Giấy A4	Thùng	2		-
8	Giấy note vàng 7cm*10cm	Xấp	5		-
9	Bìa cột dây	Cái	60		-
10	Bìa lá F4	Cái	100		-
11	Cục gồm tẩy	Cái	5		-
12	Bút dạ quang đủ màu	Cây	5		-
13	Kẹp bướm 15mm	Hộp lớn	3		-
14	Kẹp bướm 25mm	Hộp lớn	3		-
15	Kẹp bướm 51mm	Hộp	10		-
16	Bìa còng 10cm	Cái	5		-
17	Bìa 3 dây 20cm	Cái	10		-
18	Bìa 3 dây 15cm	Cái	10		-
19	Bìa 3 dây 10cm	Cái	10		-
TỔNG CỘNG					

Bằng chữ:

II. NHÂN SỰ PHỤC VỤ:

- Thực hiện thanh toán ngoài giờ nếu có phát sinh.

